



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Số: 135 /SGD

V/v công bố thông tin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh**
2. Mã chứng khoán: **SGD**
3. Trụ sở chính: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 028.39540600 – 028.39540601 Fax: 028.39540598
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Minh Ngọc**
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - **Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2021 Công ty mẹ**
 - **Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2021 hợp nhất**
7. Địa chỉ website đăng tải nội dung: **www.sgd.edu.vn**

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 và các biện pháp giãn cách xã hội của UBND TP.HCM, việc gửi bản cứng 2 bộ BCTC nêu trên cho Quý Ủy ban và Quý Sở theo quy định không thực hiện được, kính mong Quý Ủy ban và Quý Sở thông cảm. Chúng tôi sẽ thực hiện việc gửi bản cứng BCTC bán niên soát xét năm 2021 ngay khi có thể trong thời gian sớm nhất.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



NGUYỄN MINH NGỌC

CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 136 /SGD

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: giải trình chênh lệch 10% LNST

TP.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Nguyễn Minh Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính bán niên Công ty mẹ soát xét 2021 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 12/08/2021 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

BCTC bán niên Công ty mẹ soát xét 2021: Lợi nhuận sau thuế bán niên Công ty mẹ soát xét 2021 tăng 50% so với cùng kỳ do: Doanh thu bán niên Công ty mẹ soát xét 2021 tăng 39% so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính tăng 69% so với cùng kỳ.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

NGUYỄN MINH NGỌC ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN MINH NGỌC



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2021 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

Nhân sự

Tổng số nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 24 người. Trong đó nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Ái Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2019 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Công ty là Ông Nguyễn Ái Bình ký Báo cáo tài chính căn cứ theo Giấy ủy quyền số 271/QĐ – TC ngày 15/08/2019.

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 856/2021/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 12/08/2021 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2021 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2021 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.616.889.538	35.476.837.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.564.605.315	5.802.423.023
1. Tiền	111		1.564.605.315	4.302.423.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.967.107.936	4.631.036.755
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	4.364.298.336	5.486.543.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(397.190.400)	(855.506.337)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.481.785.828	17.135.032.223
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.187.516.243	9.915.455.152
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	62.307.700	36.511.182
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	500.000.000	7.450.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	669.618.578	685.929.157
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(937.656.693)	(952.863.268)
IV. Hàng tồn kho	140	12	12.320.380.293	7.627.678.526
1. Hàng tồn kho	141		12.741.938.107	8.076.599.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(421.557.814)	(448.921.382)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		283.010.166	280.666.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	28.236.220	13.423.681
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	118.832.795	109.368.849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	135.941.151	157.874.219
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.281.624.576	39.699.079.463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.767.418.876	9.207.711.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.299.262.004	2.739.554.777
- Nguyên giá	222		5.927.482.205	5.761.950.386
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.628.220.201)	(3.022.395.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	30.514.205.700	30.491.367.814
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.514.205.700	23.514.205.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(22.837.886)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.898.514.114	75.175.916.739

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.712.250.887	18.053.972.354
I. Nợ ngắn hạn	310		19.712.250.887	18.053.972.354
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	13.983.760.359	10.591.638.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	263.549.395	61.432.770
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	21.152.949	19.829.512
4. Phải trả người lao động	314		3.304.889.783	4.250.264.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.081.882.401	3.095.253.367
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	57.016.000	35.553.500
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	1.000.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.186.263.227	57.121.944.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	54.186.263.227	57.121.944.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	6.374.063.993	9.309.745.151
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.266.745.151	6.472.328.186
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.107.318.842	2.837.416.965
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.898.514.114	75.175.916.739



Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	23.147.438.425	16.354.568.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	489.318.110	1.127.845
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		22.658.120.315	16.353.440.224
4. Giá vốn hàng bán	11	25	20.379.802.432	13.803.181.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.278.317.883	2.550.259.035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.415.882.572	839.305.857
7. Chi phí tài chính	22	27	(477.249.713)	203.433.730
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	3.904.110	-
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	1.786.541.997	1.211.222.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	1.300.319.374	1.137.919.397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.084.588.797	836.989.643
11. Thu nhập khác	31	29	45.454.545	-
12. Chi phí khác	32	30	791.432	1.150.648
13. Lợi nhuận khác	40		44.663.113	(1.150.648)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.129.251.910	835.838.995
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	21.933.068	95.823.929
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.107.318.842	740.015.066



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.129.251.910	835.838.995
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	86.915.501	121.597.132
- Các khoản dự phòng	03	(523.723.966)	180.633.328
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.248.026.337)	(839.305.857)
- Chi phí lãi vay	06	3.904.110	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	(551.678.782)	298.763.598
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.291.010.976)	(5.193.030.626)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.665.338.199)	(6.164.565.595)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	656.616.033	6.151.737.747
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(14.812.539)	86.164.946
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.122.244.756	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.904.110)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.747.883.817)	(4.820.929.930)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(646.622.728)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	45.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.500.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	8.450.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.202.571.792	906.624.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.551.403.609	(93.375.180)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.000.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.041.337.500)	(1.533.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.041.337.500)	(1.533.324)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.237.817.708)	(4.915.838.434)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.802.423.023	9.238.046.806
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.564.605.315	4.322.208.372



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 79,36%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Công ty liên kết: Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có các công ty con. Theo các quy định hiện hành, cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2021 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản vay và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền mặt	176.493.192	163.138.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.388.112.123	4.139.284.213
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	1.000.000.000	1.500.000.000
Cộng	2.564.605.315	5.802.423.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	4.364.298.336	10.213.239.100	397.190.400	5.486.543.092	5.433.736.760	855.506.337
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	9.245.430.000	-	3.044.031.947	3.822.400.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	92.000	3.578	95.578	99.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	134.787.320	178.880.000	-	303.271.470	327.600.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	15.000.000	21.365.340	36.365.340	11.100.000	25.265.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	630.720.000	362.141.234	992.861.234	438.000.000	554.861.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	516.670	1.157.100	-	954.277.275	719.877.760	234.399.515
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	141.960.000	13.680.248	155.640.248	114.660.000	40.980.248
Cộng	4.364.298.336	10.213.239.100	397.190.400	5.486.543.092	5.433.736.760	855.506.337

Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	173.600	1.122.244.755
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	-	-	13.000	168.484.150
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	-	-	160.600	953.760.605
Cộng	-	-	173.600	1.122.244.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tình hình hoạt động	30/06/2021					01/01/2021				
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con					23.514.205.700	-			23.514.205.700	-	
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai	Đang hoạt động	55,99%	55,99%	925.300	11.445.035.700	-	55,99%	55,99%	11.445.035.700	-	
- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Đang hoạt động	79,36%	79,36%	1.114.040	12.069.170.000	-	79,36%	79,36%	12.069.170.000	-	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					5.000.000.000	-			5.000.000.000	22.837.886	
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Đang hoạt động	25%	25%	500.000	5.000.000.000	-	25%	25%	5.000.000.000	22.837.886	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					2.000.000.000	-			2.000.000.000	-	
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (*)	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	1,84%	1,84%	2.000.000.000	-	
Cộng					30.514.205.700	-			30.514.205.700	22.837.886	

Cổ phiếu của các Công ty nhận đầu tư đều chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về giá thị trường của cổ phiếu nêu trên.

(*) Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	950.390.327	1.058.156.207
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	610.236.848	608.452.750
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	627.119.076	801.509.076
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	-	244.191.800
Công ty TNHH TM và DV Văn hóa Hương Trang	1.875.247.370	-
Đối tượng khác	9.573.116.100	6.651.738.797
Cộng	14.187.516.243	9.915.455.152

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	13.025.100
Công ty CP Học liệu (EMCO)	11.665.401	1.094.801
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.027.127.479	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	895.378.527	234.406.795
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	-	244.191.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	688.720.480	129.163.310
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	-	315.177.950
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	99.100.680	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	41.871.370	-
Cộng	2.763.863.937	937.059.756

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông	36.511.182	36.511.182
Các đối tượng khác	25.796.518	-
Cộng	62.307.700	36.511.182

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2021	01/01/2021
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	17.719.518	-
Cộng	17.719.518	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	-	7.450.000.000
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	7.450.000.000

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	485.869.138	-	500.888.050	-
Ký quỹ	181.830.000	-	181.830.000	-
Phải thu khác	1.919.440	-	3.211.107	-
Cộng	669.618.578	-	685.929.157	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	777.244.008	744.599.258
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	160.412.685	22.851.325
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	185.412.685
Cộng	937.656.693	952.863.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.000.865	-	22.440.567	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.112.967.362	-	1.173.787.221	-
Thành phẩm	7.684.389.641	421.557.814	5.811.300.531	448.921.382
Hàng hóa	3.921.580.239	-	1.069.071.589	-
Cộng	12.741.938.107	421.557.814	8.076.599.908	448.921.382

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2021 là 421.557.814 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2021.

13. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	28.236.220	13.423.681
Cộng	28.236.220	13.423.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.531.966.825	258.654.620	1.813.624.453	157.704.488	5.761.950.386
Mua sắm trong năm	-	-	646.622.728	-	646.622.728
Giảm trong năm	-	-	481.090.909	-	481.090.909
Số cuối năm	3.531.966.825	258.654.620	1.979.156.272	157.704.488	5.927.482.205
Khấu hao					
Số đầu năm	988.502.210	62.564.458	1.813.624.453	157.704.488	3.022.395.609
Khấu hao trong năm	63.586.638	14.347.993	8.980.870	-	86.915.501
Giảm trong năm	-	-	481.090.909	-	481.090.909
Số cuối năm	1.052.088.847	76.912.451	1.341.514.414	157.704.488	2.628.220.201
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.543.464.615	196.090.162	-	-	2.739.554.777
Số cuối năm	2.479.877.978	181.742.169	637.641.858	-	3.299.262.004

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 1.900.655.689 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 30/06/2021.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam Chi nhánh tại TP.HCM	2.660.974.715	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.344.888.080	2.456.560.360
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	6.255.071.260	4.777.613.580
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	-	1.784.686.833
Các đối tượng khác	2.722.826.304	1.572.777.570
Cộng	13.983.760.359	10.591.638.343

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	6.255.071.260	4.777.613.580
Công ty CP Sách Dân Tộc	-	477.400
Công ty CP Sách Đại học dạy nghề	127.306.698	123.139.633
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	30.422.728
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	38.944.480	30.916.480
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	21.047.880	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	37.807.560	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	146.627.593	146.627.593
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	125.893.800	125.893.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	133.635.806	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	172.356.000	67.957.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	118.164.280	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	38.415.705	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	614.275.001	44.893.881
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	2.344.888.080	2.456.560.360
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	36.069.120	36.069.120
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	12.190.200	42.190.200
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	-	14.026.710
Cộng	10.255.068.853	7.896.788.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Vĩnh Long	198.841.190	-
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	8.320.000
Các đối tượng khác	56.388.205	53.112.770
Cộng	263.549.395	61.432.770

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	198.841.190	-
Cộng	198.841.190	-

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối kỳ	
	Phải thu/Còn được khấu trừ	Phải trả			Phải thu/Còn được khấu trừ	Phải trả
Thuế GTGT	109.368.849	-	19.623.212	29.087.158	118.832.795	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.829.512	315.628.350	314.304.913	-	21.152.949
Thuế TNDN	157.874.219	-	21.933.068	-	135.941.151	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	267.243.068	19.829.512	360.184.630	346.392.071	254.773.946	21.152.949

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Chi phí hoa hồng môi giới	799.901.401	2.780.772.367
Chi phí khác	32.500.000	65.000.000
Cộng	1.081.882.401	3.095.253.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021	01/01/2021
Cổ tức phải trả	3.866.000	2.203.500
Thù lao trả cho HĐQT	50.000.000	30.200.000
Phải trả khác	3.150.000	3.150.000
Cộng	57.016.000	35.553.500

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000

(*) Vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/CMC-SGD ngày 13/05/2021, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay từ 13/05/2021 đến 13/05/2022.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.472.328.186	54.284.527.420
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.837.416.965	2.837.416.965
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.309.745.151	57.121.944.385
Số dư tại 01/01/2021	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.309.745.151	57.121.944.385
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.107.318.842	1.107.318.842
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4.043.000.000	4.043.000.000
Số dư tại 30/06/2021	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.374.063.993	54.186.263.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.309.745.151	6.472.328.186
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.107.318.842	2.837.416.965
Phân phối lợi nhuận	4.043.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.043.000.000	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	6.374.063.993	9.309.745.151

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết số 75/NQ-SGD ngày 22/04/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	23.059.925.284	16.281.575.462
Doanh thu khác	87.513.141	72.992.607
Cộng	23.147.438.425	16.354.568.069

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Hàng bán bị trả lại	489.318.110	1.127.845
Cộng	489.318.110	1.127.845

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	20.384.423.061	13.781.057.603
Giá vốn hoạt động khác	22.742.939	22.123.586
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.363.568)	-
Cộng	20.379.802.432	13.803.181.189

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, cho vay	182.193.792	481.435.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.020.378.000	357.870.000
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	213.310.780	-
Cộng	1.415.882.572	839.305.857

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(481.153.823)	203.433.730
Chi phí lãi vay	3.904.110	-
Cộng	(477.249.713)	203.433.730

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tiền lương và các khoản trích theo lương	873.872.383	684.696.812
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	93.093.508	65.479.170
Chi phí hoa hồng môi giới	274.840.851	81.150.355
Các khoản khác	544.735.255	379.895.785
Cộng	1.786.541.997	1.211.222.122

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tiền lương và các khoản trích theo lương	674.401.376	428.450.942
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	224.921.455	176.644.173
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(15.206.575)	(22.800.402)
Các khoản khác	416.203.118	555.624.684
Cộng	1.300.319.374	1.137.919.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.454.545	-
Cộng	45.454.545	-

30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	791.432	1.150.648
Cộng	791.432	1.150.648

31. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.129.251.910	835.838.995
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.019.586.568)	(356.719.352)
- Điều chỉnh tăng (Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế)	791.432	1.150.648
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	1.020.378.000	357.870.000
Tổng thu nhập tính thuế	109.665.342	479.119.643
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.933.068	95.823.929

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	(16.672.416)	153.279.343
Chi phí nhân công	1.548.273.759	1.113.147.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.915.501	121.597.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.444.614	302.061.481
Chi phí khác bằng tiền	1.041.336.501	1.070.474.946
Cộng	3.174.297.959	2.760.560.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.983.760.359	-	13.983.760.359
Chi phí phải trả	1.081.882.401	-	1.081.882.401
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải trả khác	57.016.000	-	57.016.000
Cộng	16.122.658.760	-	16.122.658.760

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.591.638.343	-	10.591.638.343
Chi phí phải trả	3.095.253.367	-	3.095.253.367
Phải trả khác	35.553.500	-	35.553.500
Cộng	13.722.445.210	-	13.722.445.210

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.564.605.315	-	2.564.605.315
Đầu tư tài chính	3.967.107.936	2.000.000.000	5.967.107.936
Phải thu khách hàng	13.249.859.550	-	13.249.859.550
Phải thu về cho vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khác	183.749.440	-	183.749.440
Cộng	20.465.322.241	2.000.000.000	22.465.322.241

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.802.423.023	-	5.802.423.023
Đầu tư tài chính	4.631.036.755	2.000.000.000	6.631.036.755
Phải thu khách hàng	8.962.591.884	-	8.962.591.884
Phải thu về cho vay	7.450.000.000	-	7.450.000.000
Phải thu khác	185.041.107	-	185.041.107
Cộng	27.031.092.769	2.000.000.000	29.031.092.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư CMC	Chung nhà đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	76.607.640	321.106.815
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	5.131.403.762	1.523.215.414
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.614.260	-
Công ty CP Học liệu (EMCO)	10.570.600	12.320.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	830.281.380	427.541.490
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	99.100.680	67.475.560
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	28.126.277	26.978.900
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	184.956.800	961.232.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	182.271.286	344.547.860
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	32.078.310	186.468.710
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	47.008.682	152.756.310
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	712.628.360	1.035.889.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	10.591.820	211.067.661
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	41.871.370	35.242.020
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	1.311.649.043	664.578.480
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.074.958.680	3.690.482.200
Công ty CP Sách Dân Tộc	4.167.065	7.272.850
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	8.680.000	3.392.640
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	8.028.000	12.378.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	41.047.880	6.332.680
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	114.415.200	137.623.160
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	773.035.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	132.728.215	111.320.300
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	-	11.166.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	172.356.000	282.452.960
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	115.040.387	203.245.958
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	752.462.920	1.130.975.520
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.270.669.720	2.402.887.280
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	3.654.711	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	65.306.420	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	165.480.860	216.256.800
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	-	10.679.611.280
Thu tiền cho vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	7.450.000.000	-
Vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	1.000.000.000	-
Nhận cổ tức		
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	925.300.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao của HĐQT

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	11.000.000	33.000.000
Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	3.000.000	9.000.000
Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	3.000.000	9.000.000
Ngô Anh Phương	Ủy viên	7.000.000	21.000.000
Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	3.000.000	9.000.000

d. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc	153.352.000	144.633.000
Ngô Trọng Vinh	Phó Giám đốc	69.190.000	162.216.000
Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	152.812.000	155.626.000

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Nguyễn Thị Lan Phương

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021